

HƯỚNG DẪN THỦ TỤC NHẬP HỌC VÀO BẠC ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUÝ NĂM 2024

I/ CÁC GIẤY TỜ PHẢI NỘP

- (1) Bản sao công chứng hoặc chứng thực sao y **bản chính** Học bạ THPT.
- (2) **Bản chính** Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (Đối với những thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024) hoặc bản sao công chứng/chứng thực sao y **bản chính** Bằng tốt nghiệp THPT (Đối với những thí sinh đã tốt nghiệp trước năm 2024).
- (3) **Bản chính** Giấy chứng nhận kết quả thi THPT năm 2024.
** Đối với các mục 1, 2, 3: chụp ảnh (scan) lưu file mềm ghi họ và tên, ngành học (Ví dụ: Nguyễn Văn A, QTKD), Phòng Công tác sinh viên & Thư viện sẽ thu nhận khi sinh viên nhập học.*
- (4) Bản sao công chứng hoặc chứng thực sao y **bản chính** Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên do Sở LĐT&XH cấp.
- (5) Lý lịch sinh viên theo mẫu của Trường (Liên hệ Phòng Công tác sinh viên & Thư viện).
- (6) 01 bản sao công chứng hoặc chứng thực sao y **bản chính** Giấy khai sinh.
- (7) Các giấy tờ xác nhận đối tượng được miễn, giảm học phí theo quy định và nộp sau khi Nhà trường có thông báo xét duyệt (**Sinh viên vẫn nộp học phí đầy đủ khi nhập học và được hoàn trả sau nếu thuộc diện được xét**).
- (8) Giấy báo trúng tuyển **bản chính** (Trong trường hợp thí sinh chưa nhận được Giấy báo trúng tuyển, khi nhập học thí sinh sẽ được nhận tại Phòng Quản lý Đào tạo).
- (9) 01 bản sao công chứng hoặc chứng thực sao y **bản chính** thẻ căn cước công dân.
- (10) Hồ sơ di chuyển đăng ký nghĩa vụ quân sự (**Bản chính**) đối với thí sinh là nam giới, bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự do BCH Quân sự cấp huyện cấp và Giấy xác nhận đăng ký vắng mặt do BCH Quân sự cấp xã nơi cư trú cấp. Trường hợp thí sinh chưa có các loại giấy tờ này, Nhà trường chỉ làm thủ tục nhập học tạm thời.

II/ HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC

1. Tiền học phí tạm thu HKI:

Ngành	Số tín chỉ	Số tiền/đồng/ tín chỉ	Thành tiền/đồng
- Bảo hiểm - Tài chính	15	461.000	6.915.000
- Quản trị Nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng	15	513.000	7.695.000
- Công tác xã hội, Tâm lý, Ngôn ngữ Anh	16	547.000	8.752.000
- Luật kinh tế	16	513.000	8.208.000
- Kinh tế	17	513.000	8.721.000

2. Tiền cung cấp tài liệu học tập toàn khóa theo ngành học (10.000 đồng/học phần/sinh viên):

- Bảo hiểm - Tài chính: 580.000 đồng
- Hệ thống thông tin quản lý: 470.000 đồng
- Tài chính – Ngân hàng, Kế toán, Tâm lý: 480.000 đồng
- Công tác xã hội: 490.000 đồng
- Quản trị kinh doanh: 500.000 đồng
- Ngôn ngữ Anh, Kinh tế, Luật kinh tế, Quản trị nhân lực: 520.000 đồng

3. Tiền khám sức khỏe ban đầu: 335.000 đồng/sinh viên.

4. Tiền bảo hiểm y tế:

+ Mức thu 15 tháng: 1.105.650 đồng/sinh viên. Thẻ BHYT được cấp có thời hạn sử dụng từ ngày 01/10/2024 đến 31/12/2025 (Đối với sinh viên có thẻ BHYT hết hạn ngày 30/09/2024).

+ Mức thu 12 tháng: 884.520 đồng/sinh viên. Thẻ BHYT được cấp có thời hạn sử dụng từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 (Đối với sinh viên có thẻ BHYT hết hạn ngày 31/12/2024).

* Lưu ý: Sinh viên bắt buộc phải mua BHYT và cài đặt ứng dụng VSSID – sổ Bảo hiểm xã hội số; Trường hợp sinh viên đã có thẻ BHYT (Còn thời hạn) phải photo kèm bản gốc.

5. Tiền thi Anh văn đầu vào: 442.000 đồng/sinh viên.

6. Tiền bảo hiểm thân thể tự nguyện: 60.000 đồng/sinh viên/năm học. (Thu 1 lần cho 4 năm: 240.000 đồng/sinh viên).

7. Tiền làm thẻ sinh viên: 120.000 đồng/sinh viên.

8. Tiền ký túc xá: - Phòng 06 người: 4.500.000 đồng/sinh viên/học kỳ (Chưa bao gồm tiền điện, nước).

- Phòng 08 người: 3.000.000 đồng/sinh viên/học kỳ (Chưa bao gồm tiền điện, nước).

9. Phụ thu tiền điện máy điều hòa phòng học: 300.000 đồng/học kỳ/sinh viên (60.000 đồng/tháng/sinh viên).